

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH

Về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

Chính phủ ban hành Nghị định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ, bao gồm: Nội dung hoạt động, hạ tầng thông tin và Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, các biện pháp bảo đảm phát triển, tổ chức và quản lý nhà nước về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động thông tin khoa học và công nghệ tại Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Thông tin khoa học và công nghệ" là dữ liệu, dữ kiện, số liệu, tin tức được tạo ra trong các hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.

2. "Nguồn tin khoa học và công nghệ" là các thông tin khoa học và công nghệ được thể hiện dưới dạng sách, báo, tạp chí khoa học; kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học; thuyết minh nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện, ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tài liệu sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; catalô công nghiệp; luận án khoa học; tài liệu thiết kế, kỹ thuật; cơ sở dữ liệu; trang thông tin điện tử; tài liệu thống kê khoa học và công nghệ; tài liệu đa phương tiện và tài liệu trên các vật mang tin khác.

3. "Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ" là hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, bao gồm các hoạt động liên quan đến thu thập, xử lý, phân tích, lưu giữ, tìm kiếm, phổ biến, sử dụng, chia sẻ và chuyển giao thông tin khoa học và công nghệ, các hoạt động khác có liên quan.

4. "Tổ chức thực hiện chức năng thông tin khoa học và công nghệ" là tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; xây dựng, phát triển, vận hành và khai thác hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ.

5. "Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ" là tập hợp thông tin về tiềm lực và kết quả hoạt động khoa học và công nghệ quốc gia, được xây dựng, duy trì và phát triển nhằm cung cấp dữ liệu và thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về khoa học và công nghệ.

Điều 4. Nguyên tắc của hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ phải tuân theo các nguyên tắc sau:

1. Chính xác, khách quan, đầy đủ, kịp thời và đáp ứng yêu cầu của tổ chức, cá nhân về chất lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ.

2. Hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng và quản lý thông tin khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế của đất nước.

3. Bảo đảm quyền của các tổ chức, cá nhân được tiếp cận thông tin khoa học và công nghệ phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo mật thông tin khoa học và công nghệ.

5. Kết hợp chặt chẽ hoạt động thông tin khoa học và công nghệ với hoạt động nghiệp vụ thư viện, lưu trữ, thống kê, truyền thông khoa học và công nghệ.

Chương II

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Các loại hình hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

Các loại hình hoạt động thông tin khoa học và công nghệ bao gồm:

1. Thu thập, cập nhật và xử lý các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, thông tin nhằm tạo lập và phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ.

2. Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ cho dự báo, hoạch định chính sách, lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản xuất, kinh doanh và các hoạt động kinh tế - xã hội khác.

3. Phát triển hạ tầng thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, các trang thông tin và cổng thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; thiết lập, triển khai các mạng thông tin khoa học và công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông,

phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; xây dựng thư viện điện tử, thư viện số.

4. Tìm kiếm, tra cứu, chỉ dẫn, khai thác, sử dụng thông tin khoa học và công nghệ.
5. Cung cấp, trao đổi, chia sẻ các nguồn tin khoa học và công nghệ.
6. Phổ biến thông tin, tri thức khoa học và công nghệ.
7. Các hoạt động khác có liên quan.

Điều 6. Thu thập thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp sử dụng ngân sách nhà nước, trong thời hạn 30 ngày làm việc sau khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, cơ quan có thẩm quyền ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ các cấp có trách nhiệm xử lý thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều này và gửi về:

a) Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ quốc gia là cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ để cập nhật thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; tổng hợp thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các bộ, ngành và địa phương;

b) Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan nhà nước khác ở trung ương (sau đây gọi là tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ) để cập nhật thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ và cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý;

c) Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ thuộc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh) để cập nhật thông tin về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

2. Nội dung xử lý thông tin bao gồm: tên nhiệm vụ; thông tin về các cá nhân, tổ chức chủ trì và tham gia nhiệm vụ; mục tiêu và nội dung nghiên cứu chính; lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; mục tiêu kinh tế - xã hội của nhiệm vụ; phương pháp nghiên cứu và triển khai; kết quả dự kiến; thời gian thực hiện; địa chỉ ứng dụng; kinh phí thực hiện được phê duyệt và những nội dung khác theo yêu cầu.

3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được khuyến khích cung cấp thông tin cho các tổ chức theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Các tổ chức được quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm tiếp nhận thông tin, đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ, tổng hợp và công bố công khai danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp đã ký hợp đồng trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của mình.

Điều 7. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước phải được đăng ký và lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đăng ký và lưu giữ bao gồm:

- a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản giấy và bản điện tử);
- b) Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ (bản điện tử);
- c) Phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát (nếu có, bản điện tử);
- d) Bản đồ; bản vẽ; ảnh; tài liệu đa phương tiện (nếu có, bản điện tử);
- đ) Phần mềm (nếu có).

3. Các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại các cơ quan có thẩm quyền như sau:

a) Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ quốc gia là cơ quan có thẩm quyền về đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và cấp bộ; lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở;

b) Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ là cơ quan có thẩm quyền về đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ và cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý;

c) Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý;

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản này phải được lưu giữ đồng thời tại tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ và cấp tỉnh.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Khoản 3 Điều này cấp giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Giấy chứng nhận đăng ký kết

quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là một trong những cơ sở xác nhận hoàn thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các tổ chức và cá nhân.

5. Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước phải đăng ký, lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Khoản 3 Điều này theo phân cấp như đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đặt hàng.

6. Các tổ chức được quy định tại Khoản 3 Điều này có trách nhiệm tổng hợp và cập nhật thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ và công bố công khai trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của mình.

7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 8. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được khuyến khích đăng ký và lưu giữ tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định này sau khi có văn bản thẩm định kết quả của cơ quan nhà nước quản lý về khoa học và công nghệ có thẩm quyền.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1 Điều này được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

Điều 9. Thu thập, xử lý và công bố thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng về Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua các tổ chức quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Nội dung báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm: Tên nhiệm vụ; thông tin về các cá nhân, tổ chức chủ trì nhiệm vụ; lĩnh vực khoa học và công nghệ; lĩnh vực ứng dụng; địa chỉ ứng dụng; quy mô ứng dụng; tài liệu sở hữu trí tuệ; hiệu quả và tác động về kinh tế - xã hội và môi trường; phương thức chuyển giao kết quả, mức độ và khả năng thương mại hóa.

3. Báo cáo kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được gửi về các tổ chức sau:

a) Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ quốc gia tiếp nhận báo cáo kết quả ứng dụng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc